CÔNG TY CỔ PHẦN **DAP SỐ 2 –VINACHEM** Số: 2137 /DAP2-KTh V/v: Báo giá cạnh tranh cung cấp dịch vụ kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Lào Cai, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi: .....

Công ty Cổ phần DAP số 2–Vinachem xin gửi tới quý Công ty lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác của quý Công ty.

Công ty chúng tôi có nhu cầu thực hiện kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, cụ thể như sau:

1. Hạng mục công việc:

- Kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Kiểm tra, hiệu chỉnh các van an toàn trực tiếp trên hệ thống hoặc kiểm định sau khi đã tháo rời khỏi hệ thống bằng bàn tạo áp lực.

- Kiểm định các Áp kế.

(Danh sách chi tiết đính kèm tại phụ lục)

2. Nội dung và yêu cầu báo giá:

2.1.Thư báo giá bao gồm những nội dung sau:

- Thời hạn của báo giá: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày mở thư chào giá.

- Thời gian thực hiện công việc: Tháng 11/2026 đến 10/12/2026.

- Giấy tờ kèm theo:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) hoặc các giấy tờ hợp lệ theo quy định của nhà nước v.v…

+ Bản giới thiệu về nhà cung cấp.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định pháp luật.

- Thời gian thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên hoàn thành công việc, ký biên bản nghiệm thu công việc và hoàn tất các thủ tục thanh toán kèm theo.

2.2. Hình thức và thời gian gửi thư báo giá:

- Đề nghị quý Công ty gửi thư báo giá bằng bản cứng (bản gốc, bản in màu, bản sao y,...) vào phong bì kín có niêm phong và gửi trực tiếp cho Công ty chúng tôi theo địa chỉ: Phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần DAP số 2 -Vinachem – KCN Tằng loỏng, xã Tằng loỏng, tỉnh Lào Cai, bên ngoài bì thư ghi rõ: *"Báo giá cạnh tranh cung cấp dịch vụ kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động"*. Hoặc gửi vào địa chỉ email: vanthu.dap2@gmail.com ghi rõ *Báo giá cạnh tranh cung cấp dịch vụ kiểm định*

máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo công văn số 1157 /DAP2-KTh ngày 10 /11/2026 - Nơi nhận Phòng Kỹ thuật.

- Thời gian nhận báo giá chậm nhất là 15 giờ 00 phút ngày 16 tháng 11 năm 2026. Các báo giá đến sau thời điểm trên sẽ được trả lại nguyên trạng.

2.3. Thời gian mở thư báo giá: Công ty sẽ mở thư báo giá công khai tại văn phòng Công ty Cổ phần DAP số 2 -Vinachem vào hồi 15 giờ 15 phút ngày 16 tháng 11 năm 2026. Khách hàng tham gia báo giá có thể tham dự buổi mở thư báo giá.

Mọi thông tin xin liên hệ với phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem. Điện thoại: 02143.767.048, Fax: 02143.767.047.

Rất mong sự quan tâm hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT; KTh.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5300265968 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 VINACHEM TỈNH LÀO CAI

Vũ Việt Tiến

PHỤ LỤC

DANH MỤC MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG ĐẾN HẠN KIỂM ĐỊNH NĂM 2026

STT	Tên thiết bị	Thông số	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
I. Nồi hơi					
1	Nồi hơi đốt than	65 T	1	Thiết bị	Nhiệt
2	Nồi hơi 20E310	67 T	1	Thiết bị	SA
II. Hệ thống đường ống dẫn hơi nước, dẫn nước nóng					
3	Hệ thống Đường ống dẫn hơi trung áp 23-MS-01/08/09	413 m, Ø 100	1	Hệ thống	DAP
4	Hệ thống Đường ống dẫn hơi nước áp suất cao UT-38HS-01A/1B/1C/06 (3,82MpaG)	807 m, Ø 400	1	Hệ thống	Nhiệt
5	Hệ thống Đường ống dẫn hơi nước áp suất thấp 23-4LS-01/10/11	828m, Ø 100	1	Hệ thống	DAP
6	Hệ thống Đường ống dẫn hơi nước áp suất thấp UT-4LS-01	223 m, Ø 200	1	Hệ thống	Nhiệt
7	Hệ thống Đường ống dẫn hơi nước áp suất thấp UT-6LS-01/02/03A/04B/09	663 m, Ø 450	1	Hệ thống	Nhiệt
8	Hệ thống Đường ống dẫn nước cấp lò hơi UT-BWF-01/01A/03/04/05/08/12/13/14/15/16	1134 m, Ø 250	1	Hệ thống	Nhiệt
9	Hệ thống Đường ống dẫn hơi trung áp UT-MS-01/02/03/04/06	995 m, Ø 100	1	Hệ thống	Nhiệt
10	Hệ thống Đường ống dẫn nước hồi UT-SC-03/05/06/09/10	846 m, Ø 100	1	Hệ thống	Nhiệt
11	Hệ thống Đường ống dẫn nước xuống lò hơi UT-BD-02	6 m, Ø 150	1	Hệ thống	Nhiệt
12	Hệ thống Đường ống dẫn hơi nước áp suất thấp 21-4LS-01/02; 21-6LS-01	447 m, Ø 700	1	Hệ thống	PA
13	Hệ thống Đường ống dẫn nước hồi 21-4LC-01A/02/03/05	71m, Ø 100	1	Hệ thống	PA

14	Hệ thống Đường ống dẫn nước hồi 21-4LC-01	69 m, Ø 100	1	Hệ thống	PA
15	Hệ thống Đường ống dẫn hơi trung áp UT-MS-05	96 m, Ø 100	1	Hệ thống	Nhiệt
16	Hệ thống Đường ống dẫn hơi quá nhiệt SUPER HEATER	373.8 m, Ø 100, Ø 200	1	Hệ thống	Nhiệt
III. Bình chịu áp lực					
17	Bồn chứa NH3 22-V001A	5000 m3	1	Bình	DAP
18	Bồn chứa NH3 22-V001B	5000 m3	1	Bình	DAP
19	Bình ổn áp đầu hút bơm v/c NH3 22-P001A	370 lít	1	Bình	DAP
20	Bình ổn áp đầu hút bơm v/c NH3 22-P001B	370 lít	1	Bình	DAP
21	Bình ngưng - Hệ thống lạnh 22-E002A	227,4/87 lít	1	Bình	DAP
22	Bình ngưng - Hệ thống lạnh 22-E002B	227,4 lít	1	Bình	DAP
23	Bình chứa NH3 cao áp - Hệ thống lạnh 22-V002	370 lít	1	Bình	DAP
24	Bình bốc hơi- Hệ thống lạnh 22-M001	1200 lít	1	Bình	DAP
25	Bình tách dầu - hệ thống lạnh 22-S001A	809 lít	1	Bình	DAP
26	Bình tách dầu - hệ thống lạnh 22-S001B	809 lít	1	Bình	DAP
27	Bình xả khí 23-PT101A	30 lít	1	Bình	DAP
28	Bình xả khí 23-PT101B	30 lít	1	Bình	DAP
29	Bình bay hơi NH3 23-E101	7500 lít	1	Bình	DAP
30	Bình phân ly NH3 23-V101	4500 lít	1	Bình	DAP
31	Bình chứa khí nén 09-V002A	20000 lít	1	Bình	Nhiệt
32	Bình chứa khí nén 09-V002B	20000 lít	1	Bình	Nhiệt
33	Bình chứa khí nén 09-V001	20000 lít	1	Bình	Nhiệt
34	Bình xử lý nước 11-F101A	5000 lít	1	Bình	Nhiệt

35	Bình xử lý nước 11-F101B	5000 lít	1	Bình	Nhiệt
36	Bình xử lý nước 10-E003A	5000 lít	1	Bình	Nhiệt
37	Bình xử lý nước 10-E003B	5000 lít	1	Bình	Nhiệt
38	Bình lọc than hoạt tính 10-F001A	13900 lít	1	Bình	Nhiệt
39	Bình lọc than hoạt tính 10-F001B	13900 lít	1	Bình	Nhiệt
40	Bình xử lý nước 10-E002A	5960 lít	1	Bình	Nhiệt
41	Bình xử lý nước 10-E002B	5960 lít	1	Bình	Nhiệt
42	Bình xử lý nước 10-E001A	5540 lít	1	Bình	Nhiệt
43	Bình xử lý nước 10-E001B	5540 lít	1	Bình	Nhiệt
44	Bình xả liên tục 19-V201	6000 lít	1	Bình	Nhiệt
45	Bình xả định kỳ 19-V202	6000 lít	1	Bình	Nhiệt
46	Bình nước ngưng 21-V402A	2000 lít	1	Bình	PA
47	Bình nước ngưng 21-V402B	2000 lít	1	Bình	PA
48	Bình lọc nước 21-F201A	45 lít	1	Bình	PA
49	Bình lọc nước 21-F201B	45 lít	1	Bình	PA
50	Bình Concentration Torpedo TK-07	9810 lít	1	Bình	PA
51	Bình Concentration Torpedo TK-08	9810 lít	1	Bình	PA
52	Bình phân ly xả 20-M201	800 lít	1	Bình	SA
53	Bình phân ly xả 20-S301	1480 lít	1	Bình	SA
54	Bình phân ly xả 20-M301	1480 lít	1	Bình	SA
IV. Hệ thống lạnh					
55	Hệ thống làm lạnh NH3 (22-Z001-01-001)	2.347.200 kCal/h	1	Thiết bị	DAP
V. Palang điện					
56	Pa lăng điện - xích tải 07HT401	2	1	Cái	Nhiệt
57	Pa lăng điện - xích tải 19HT102B	1	1	Cái	Nhiệt
58	Pa lăng điện xích tải PLXT2.0T 19HT103A	2	1	Cái	Nhiệt
59	Pa lăng điện - xích tải 23HT202A	3,2	1	Cái	DAP
60	Pa lăng điện - xích tải 23HT202B	3,2	1	Cái	DAP
61	Pa lăng điện 23HT301	3	1	Cái	DAP
62	Pa lăng điện 23HT101	5	1	Cái	DAP

63	Pa lăng điện 23HT102	5	1	Cái	DAP
64	Pa lăng điện 23HT103A	5	1	Cái	DAP
65	Pa lăng điện 23HT103C	5	1	Cái	DAP
66	Pa lăng điện 23HT103D	5	1	Cái	DAP
67	Pa lăng điện 21HT301	10	1	Cái	PA
VI. Palang xích tay					
68	Pa lăng xích tay PLXT5.0T DAP03	5	1	Cái	DAP
69	Pa lăng xích tay PLXT2.0T DAP01	2	2	Cái	DAP
70	Pa lăng xích tay PLXT2.0T DAP01	2	1	Cái	DAP
71	Pa lăng xích tay PLXT3.0T DAP02	3	1	Cái	DAP
72	Pa lăng xích tay PLXT3.0T DAP02	3	1	Cái	DAP
73	Lắc tay NITTO 3 tấn 1.5m	3	1	Cái	Nhiệt
74	Pa lăng xích tay PLX3.0T Nitto 3 tấn	3	1	Cái	Nhiệt
75	Pa lăng xích tay PLX3.0T	3	1	Cái	Nhiệt
76	Pa lăng xích tay	3	2	Cái	PA
77	Pa lăng xích tay	5	1	Cái	PA
78	Pa lăng xích tay PLXT1.0T	1	1	Cái	Đ-ĐL
79	Pa lăng xích tay PLXT3.0T	3	1	Cái	Đ-ĐL
80	Pa lăng xích tay PLXT5.0T	5	1	Cái	Đ-ĐL
81	Pa lăng xích tay PLXT2.0T SA01	2	1	Cái	SA
82	Pa lăng xích tay PLXT3.0T SA02	3	1	Cái	SA
83	Pa lăng xích tay PLXT3.0T SA03	3	1	Cái	SA
84	Pa lăng xích tay PLXT10.T SA04	10	1	Cái	SA
85	Pa lăng xích tay PLXT3.0T SA05	3	1	Cái	SA
VII. Tời điện					
86	Tời điện KIO-Winch model GG-500L	0,5 T	1	Cái	SA
VIII. Cầu trục					
87	Cầu trục kho vật tư tổng hợp	3	1	Thiết bị	Kho VTTH
88	Cầu trục dầm đôi 91178 (19HT101)	6,3 T	1	Thiết bị	Nhiệt
89	Cầu trục dầm đôi 91227 (19HT301)	30 T	1	Thiết bị	Nhiệt
90	Cầu trục dầm đôi 21HT101A	16 T	1	Thiết bị	PA

91	Cầu trục dầm đôi 20HT101A	6.3 T	1	Thiết bị	SA
92	Cầu trục dầm đôi 20HT101B	6,3 T	1	Thiết bị	SA
IX. Xe nâng					
93	Xe nâng CPCD35	3T	4	Chiếc	DAP
TỔNG			**98**		

Van an toàn				
STT	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**ĐVT**	**Ghi chú**
1	Van an toàn xưởng SA	12	Cái	
2	Van an toàn xưởng PA	6	Cái	
3	Van an toàn xưởng DAP	27	Cái	
4	Van an toàn xưởng Nhiệt	34	Cái	
TỔNG		**79**		

Áp kế					
STT	**Tên thiết bị**	**Số lượng**	**ĐVT**	**Vị trí**	**Ghi chú**
1	PG 19301A	1	Cái	Turbine xưởng Nhiệt	
2	PG 19301B	1	Cái	Turbine xưởng Nhiệt	
3	PG 19301C	1	Cái	Turbine xưởng Nhiệt	
4	PG 19253	1	Cái	Lò hơi xưởng Nhiệt	
5	PG-19254	1	Cái	Lò hơi xưởng Nhiệt	
6	PG-09V002A	1	Cái	Đo áp bình khí nén HM09	
7	PG-09V002B	1	Cái	Đo áp bình khí nén HM09	
8	PG-09V001	1	Cái	Đo áp bình khí nén HM09	
9	PG-20E310	1	Cái	Turbine xưởng SA	
10	PG-22001	1	Cái	Bồn chứa NH_3	
11	PG-22002	1	Cái	Bồn chứa NH_3	
12	Thiết bị đo áp suất cơ	1	Cái	Bình Gas xưởng DAP	

13	Thiết bị đo áp suất cơ	1	Cái	Bình Oxi xưởng DAP	
14	Thiết bị đo áp suất cơ	1	Cái	Bình Gas xưởng PA	
15	Thiết bị đo áp suất cơ	1	Cái	Bình Oxi xưởng PA	
16	Thiết bị đo áp suất cơ	1	Cái	Bình Gas xưởng SA	
17	Thiết bị đo áp suất cơ	1	Cái	Bình Oxi xưởng SA	
18	Thiết bị đo áp suất cơ	1	Cái	Bình Gas xưởng Nhiệt	
19	Thiết bị đo áp suất cơ	1	Cái	Bình Oxi xưởng Nhiệt	
20	PG-02290087	1	Cái	Đo áp bình khí chuẩn NH_3	
21	PG-02290088	1	Cái		
22	PG-001	1	Cái	Đo áp bình khí N_2	
23	PG-002	1	Cái		
24	PG-003	1	Cái	Đo áp bình máy nén khí di động	
TỔNG		**24**			